

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG**

02 An Đà, phường Lạch Tray, Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 31

2500.  
CÔNG TY  
HỆM HỮU  
DITTI  
NAM  
- TP.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

02 An Đà, phường Lạch Tray, Ngô Quyền  
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Bá Phúc	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Trường	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2015)
Ông Đặng Quốc Dũng	Thành viên
Ông Sakchai Patiparnpreechavud	Thành viên

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Trường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Nhật Ninh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Bảo	Kế toán trưởng

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

\_\_\_\_\_  
Ban Tổng Giám đốc,

**Nguyễn Quốc Trường**  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Số: 0053 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng") của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2015, từ trang 3 đến trang 31. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của kỳ này.



**Đặng Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0030-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 12 tháng 8 năm 2015  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Lê Toàn Thắng**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0771-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			30/6/2015	(Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.373.015.356.856</b>	<b>1.444.376.587.758</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>106.380.887.268</b>	<b>47.935.477.750</b>
1. Tiền	111		106.380.887.268	15.435.477.750
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	32.500.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>835.448.286.854</b>	<b>735.107.642.486</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	719.204.699.951	583.092.421.054
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		41.846.349.727	55.934.813.549
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	91.617.875.356	113.301.046.063
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(17.220.638.180)	(17.220.638.180)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>429.969.145.611</b>	<b>649.390.651.839</b>
1. Hàng tồn kho	141		431.021.405.557	650.442.911.785
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.052.259.946)	(1.052.259.946)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.217.037.123</b>	<b>11.942.815.683</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	10.966.775.603
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	1.217.037.123	976.040.080
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.292.572.519.560</b>	<b>1.086.767.256.312</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>715.223.120.311</b>	<b>703.354.748.976</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	681.135.815.607	668.851.404.836
- Nguyên giá	222		1.133.683.185.957	1.076.219.076.745
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(452.547.370.350)	(407.367.671.909)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	34.087.304.704	34.503.344.140
- Nguyên giá	228		35.910.974.946	35.910.974.946
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.823.670.242)	(1.407.630.806)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>338.853.908.408</b>	<b>149.061.467.288</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	338.853.908.408	149.061.467.288
<b>III. Các khoản Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>198.755.715.766</b>	<b>198.755.715.766</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	120.000.000.000	120.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14	80.195.883.000	80.195.883.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.600.000.000	1.600.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.040.167.234)	(3.040.167.234)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>39.739.775.075</b>	<b>35.595.324.282</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	39.739.775.075	35.595.324.282
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.665.587.876.416</b>	<b>2.531.143.844.070</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	2/2014(Trình bày lại)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.176.431.301.985</b>	<b>1.103.124.874.062</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.105.690.501.705</b>	<b>1.079.788.196.982</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	205.667.820.877	121.336.133.531
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.817.117.223	1.324.360.207
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	24.836.242.322	20.787.079.453
4. Phải trả người lao động	314		32.276.277.917	19.748.754.775
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	96.615.241.320	62.186.610.575
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	11.575.338.693	12.796.891.884
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	727.215.327.696	840.230.841.253
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.687.135.657	1.377.525.304
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>70.740.800.280</b>	<b>23.336.677.080</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	70.740.800.280	23.336.677.080
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.489.156.574.431</b>	<b>1.428.018.970.008</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>1.489.156.574.431</b>	<b>1.428.018.970.008</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		619.730.950.000	563.392.900.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		664.053.783.058	523.490.453.939
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		205.371.841.373	341.135.616.069
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		46.530.439.597	341.135.616.069
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		158.841.401.776	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.665.587.876.416</b>	<b>2.531.143.844.070</b>



Lưu Thị Mai  
Người lập biểu



Trần Ngọc Bảo  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Trường  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

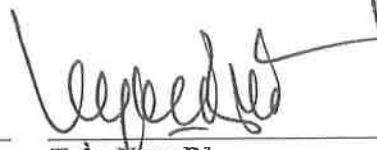
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng	01	23	1.504.007.676.673	1.402.216.917.553
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	2.408.123.214	2.714.926.434
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	24	1.501.599.553.459	1.399.501.991.119
4. Giá vốn hàng bán	11	25	1.052.577.514.494	1.028.419.887.754
5. Lợi nhuận gộp bán hàng (20=10-11)	20		449.022.038.965	371.082.103.365
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	82.920.776.823	51.594.006.629
7. Chi phí tài chính	22	27	22.160.877.956	15.193.295.048
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		21.748.341.149	14.916.806.766
8. Chi phí bán hàng	25	28	256.714.129.834	181.252.727.640
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	58.598.722.707	45.475.386.569
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		194.469.085.291	180.754.700.737
11. Thu nhập khác	31		1.402.890.992	171.358.332
12. Chi phí khác	32		56.928.072	678.847.479
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.345.962.920	(507.489.147)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		195.815.048.211	180.247.211.590
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	24.973.646.435	28.642.569.247
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		170.841.401.776	151.604.642.343

  
Lưu Thị Mai  
Người lập biểu

  
Trần Ngọc Bảo  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Quốc Trường  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015


**MẪU SỐ B 03a-DN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>195.815.048.211</i>	<i>180.247.211.590</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	45.900.037.767	36.618.361.906
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(82.763.925.755)	(51.518.179.476)
Chi phí lãi vay	06	21.748.341.149	14.916.806.766
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>180.699.501.372</i>	<i>180.264.200.786</i>
Tăng các khoản phải thu	09	(88.888.231.141)	(106.568.755.059)
Giảm hàng tồn kho	10	219.421.506.228	40.395.964.741
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	17.028.010.171	(32.733.737.557)
Tăng chi phí trả trước	12	(4.144.450.793)	(10.499.145.397)
Tiền lãi vay đã trả	13	(20.720.525.174)	(14.735.593.045)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(28.559.403.574)	(38.903.467.570)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(20.885.252.000)	(18.313.365.569)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>253.951.155.089</i>	<i>(1.093.898.670)</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(156.868.292.707)	(122.292.770.908)
2. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	111.482.872.493	1.464.464.463
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(45.385.420.214)</i>	<i>(120.828.306.445)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	913.764.799.184	889.292.647.107
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(979.376.189.541)	(665.500.241.588)
3. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(84.508.935.000)	(65.006.994.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(150.120.325.357)</i>	<i>158.785.411.519</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>	<i>58.445.409.518</i>	<i>36.863.206.404</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	106.380.887.268	28.358.559.677
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	164.826.296.786	65.221.766.081

  
**Lưu Thị Mai**  
Người lập biểu

  
**Trần Ngọc Bảo**  
Kế toán trưởng



  
**Nguyễn Quốc Trường**  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MÃ SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiên Phong tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hóa Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN ngày 17 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công thương.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001195 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là NTP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 1.197 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.195 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ các ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, xây nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, xây dựng trung tâm thương mại, xây dựng chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động dịch vụ tài chính, hoạt động trung gian tiền tệ;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ hoạt động**

Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Công ty đã tăng vốn điều lệ thêm 56.338.050.000 VND thông qua phát hành thêm cổ phiếu phổ thông.

Theo Quyết định số 69/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Bất động sản Tiên Phong do Công ty sở hữu 100% vốn. Công ty TNHH Bất động sản Tiên Phong đã được Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 18 tháng 5 năm 2015.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 02 công ty con và 03 công ty liên doanh, liên kết:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiên Phong Miền Trung	Tỉnh Nghệ An	100	100	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa cho dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH Bất động sản Tiên Phong	Thành phố Hải Phòng	100	100	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và kinh doanh vận tải, các sản phẩm nhựa cho dân dụng và công nghiệp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu (%)</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Tỉnh Bình Dương	37,78	37,78	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa cho dân dụng và công nghiệp
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	Thành phố Hải Phòng	49,98	49,98	Sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, màng ghép phức hợp và sản phẩm nhựa khác
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP	Thành phố Viêng Chăn - Lào	51,00	51,00	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ tùng và các sản phẩm nhựa khác

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại trình bày lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)*****Chứng khoán kinh doanh (Tiếp theo)***

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết******Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Góp vốn liên doanh***

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, ngoại trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 30 - 45 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	548.824.855	28.881.666
Tiền gửi ngân hàng	105.832.062.413	15.406.596.084
Các khoản tương đương tiền	-	32.500.000.000
	<u><b>106.380.887.268</b></u>	<u><b>47.935.477.750</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
		<b>VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
<i>Công ty TNHH Thương mại Nam Phương</i>	142.473.475.588	123.998.981.065
<i>Công ty TNHH Thương mại Thái Hoà</i>	110.888.381.681	92.834.037.170
<i>Công ty TNHH Thương mại Hà Dung</i>	9.494.597.477	13.353.000.143
<i>Công ty TNHH Tam Phước</i>	117.500.428.939	108.505.862.455
<i>Các đối tượng khác</i>	17.821.958.023	18.165.787.925
<b>Phải thu khách hàng các bên liên quan</b>		
<i>Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Minh Hải</i>	238.986.338.458	190.103.926.955
<i>Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong miền Trung</i>	16.750.542.110	17.614.038.529
<i>Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam</i>	65.288.977.675	18.516.786.812
	<b>719.204.699.951</b>	<b>583.092.421.054</b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
		<b>VND</b>
<b>Phải thu công ty con (*)</b>	81.798.698.505	110.483.834.133
<i>Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam</i>	4.366.875.000	-
<i>Thuế thu nhập cá nhân trả hộ nhân viên</i>	1.451.010.750	167.839.892
<i>Tạm ứng cho công nhân viên</i>	1.179.988.399	1.119.069.336
<i>Ký quỹ ngắn hạn</i>	1.400.000.000	109.000.000
<i>Phải thu khác</i>	1.421.302.702	1.421.302.702
	<b>91.617.875.356</b>	<b>113.301.046.063</b>

(\*) Đây là khoản phải thu từ việc bán hàng hóa, nguyên vật liệu, tài sản cố định và phải thu lợi nhuận đối với Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung - công ty con của Công ty.

**8. NỢ XẤU**

	<b>30/6/2015</b>		<b>31/12/2014</b>	
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>
<i>Quá hạn trên 3 năm</i>	17.220.638.180	-	17.220.638.180	-
<b>Cộng</b>	<b>17.220.638.180</b>	<b>-</b>	<b>17.220.638.180</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	56.779.820.020	-	52.443.866.327	-
Nguyên liệu, vật liệu	181.977.997.321	(1.049.990.158)	400.410.130.081	(1.049.990.158)
Công cụ, dụng cụ	4.502.338.132	-	4.050.604.382	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	70.648.116.544	-	48.008.729.489	-
Thành phẩm	117.113.133.540	(2.269.788)	145.529.581.506	(2.269.788)
	<b>431.021.405.557</b>	<b>(1.052.259.946)</b>	<b>650.442.911.785</b>	<b>(1.052.259.946)</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 19 và Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 373.189 triệu VND để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 649.390 triệu VND).

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Tiền thuê đất	450.000.000	2.130.202.000	2.077.084.000	503.118.000
Các loại thuế khác	526.040.080	1.103.897.505	916.018.462	713.919.123
<b>Cộng</b>	<b>976.040.080</b>	<b>3.234.099.505</b>	<b>2.993.102.462</b>	<b>1.217.037.123</b>
<b>b) Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	34.331.946.827	25.699.625.837	8.632.320.990
Thuế nhập khẩu	355.936.014	4.589.582.952	4.589.582.952	355.936.014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.756.635.873	24.973.646.435	28.559.403.574	15.170.878.734
Các loại thuế khác	1.674.507.566	5.734.892.581	6.732.293.563	677.106.584
<b>Cộng</b>	<b>20.787.079.453</b>	<b>69.630.068.795</b>	<b>65.580.905.926</b>	<b>24.836.242.322</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	543.939.761.178	460.373.976.012	61.408.684.489	10.496.655.066	1.076.219.076.745
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	11.790.369.477	27.641.508.178	17.730.904.375	639.438.182	57.802.220.212
Thanh lý	-	(338.111.000)	-	-	(338.111.000)
Tại ngày 30/6/2015	555.730.130.655	487.677.373.190	79.139.588.864	11.136.093.248	1.133.683.185.957
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	98.486.766.615	278.012.711.528	24.120.600.256	6.747.593.510	407.367.671.909
Khấu hao trong kỳ	19.139.709.501	20.828.648.902	4.653.700.439	861.939.489	45.483.998.331
Thanh lý	-	(304.299.890)	-	-	(304.299.890)
Tại ngày 30/6/2015	117.626.476.116	298.537.060.540	28.774.300.695	7.609.532.999	452.547.370.350
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2015	<b>438.103.654.539</b>	<b>189.140.312.650</b>	<b>50.365.288.169</b>	<b>3.526.560.249</b>	<b>681.135.815.607</b>
Tại ngày 31/12/2014	<b>445.452.994.563</b>	<b>182.361.264.484</b>	<b>37.288.084.233</b>	<b>3.749.061.556</b>	<b>668.851.404.836</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 19 và Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản cố định hữu hình với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 1.133.683 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.076.219 triệu VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 218.444 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 200.984 triệu VND).

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất
	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	35.910.974.946
Tại ngày 30/6/2015	35.910.974.946
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	1.407.630.806
Khấu hao trong năm	416.039.436
Tại ngày 30/6/2015	1.823.670.242
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 30/6/2015	<b>34.087.304.704</b>
Tại ngày 31/12/2014	<b>34.503.344.140</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 19 và Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 khoảng 35.910 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 35.910 triệu VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	149.061.467.288	111.928.819.957
Tăng trong kỳ	249.447.311.332	289.316.623.463
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(57.802.220.212)	(239.959.624.977)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(1.731.707.630)
Giảm khác	(1.852.650.000)	(10.492.643.525)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>338.853.908.408</b>	<b>149.061.467.288</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	329.183.490.698	140.907.652.789
Dự án số 02 An Đà (*)	8.314.470.067	7.321.164.499
Các công trình khác	1.355.947.643	832.650.000
	<b>338.853.908.408</b>	<b>149.061.467.288</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 19 và Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp công trình xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 338.853 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 149.061 triệu VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

(\*) Theo các Công văn số 375/UBND-XD ngày 18 tháng 01 năm 2008 và số 2460/UBND-CN ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng, Công ty được phép phát triển một tổ hợp tòa nhà bao gồm các căn hộ chung cư và văn phòng cho thuê tại số 02 An Đà, phường Lạch Tray, thành phố Hải Phòng. Ngày 22 tháng 5 năm 2014, Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 1018/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 và thiết kế của Dự án, theo đó Công ty sẽ có trách nhiệm triển khai các thủ tục tiếp theo của Dự án theo quy định. Sau 01 năm, nếu Công ty không triển khai thực hiện, Ủy ban Nhân dân thành phố sẽ xem xét, thu hồi giao cho đơn vị khác có nhu cầu và năng lực thực hiện Dự án theo quy định.

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Công ty con</b>				
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung	120.000.000.000	-	120.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Công ty liên doanh liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	51.000.000.000	-	51.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	5.397.000.000	-	5.397.000.000	-
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP (*)	23.798.883.000	(1.676.167.234)	23.798.883.000	(1.676.167.234)
<b>Cộng</b>	<b>80.195.883.000</b>	<b>(1.676.167.234)</b>	<b>80.195.883.000</b>	<b>(1.676.167.234)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Tóm tắt tình hình hoạt động công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ

Trong kỳ, các giao dịch giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết chủ yếu là hoạt động mua bán nguyên vật liệu, thành phẩm, chia lợi nhuận (chi tiết trình bày tại Thuyết minh 32).

Công ty con là Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong mới thành lập từ ngày 18 tháng 5 năm 2015, chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh và giao dịch nào với Công ty. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty sẽ phải góp 20 tỷ VND vốn điều lệ cho Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa chuyển tiền góp vốn vào Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong.

Theo quy định tại Thông tư 200, Báo cáo tài chính riêng cần trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 do bên nhận đầu tư là các công ty: Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung; Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong, Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam, Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong và Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP chưa niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán nên Công ty không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

(\*) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP (“Công ty liên doanh”) được thành lập theo Chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 05 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Viêng Chăn cấp ngày 17/4/2008 giữa Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP (“Công ty SMP”) và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.

Ngày 15 tháng 5 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty liên doanh với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại PPS (“Công ty PPS”), theo đó Công ty sẽ bán toàn bộ toàn bộ cổ phần Công ty đang nắm giữ tại Công ty liên doanh cho Công ty PPS với số tiền là 1.275.000 USD. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, giao dịch này chưa được thực hiện.

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ dụng cụ	31.114.738.877	27.634.872.892
Chi phí sửa chữa tài sản lớn	5.474.072.081	3.276.791.119
Phí tư vấn thương hiệu	1.074.062.500	2.362.937.500
Chi phí thuê đất tại Dương Kinh	1.217.233.875	1.881.179.625
Chi phí trả trước dài hạn khác	859.667.742	439.543.146
	<b>39.739.775.075</b>	<b>35.595.324.282</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/6/2015		31/12/2014	
	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	24.707.707.515	24.707.707.515	3.790.167.260	3.790.167.260
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hương Cảng	29.067.867.231	29.067.867.231	7.414.416.140	7.414.416.140
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hoa Tín	30.837.595.138	30.837.595.138	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	112.947.210.940	112.947.210.940	109.406.647.029	109.406.647.029
<b>Cộng</b>	<b>197.560.380.824</b>	<b>197.560.380.824</b>	<b>120.611.230.429</b>	<b>120.611.230.429</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	7.039.658.965	7.039.658.965	-	-
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	1.067.781.088	1.067.781.088	724.903.102	724.903.102
<b>Cộng</b>	<b>8.107.440.053</b>	<b>8.107.440.053</b>	<b>724.903.102</b>	<b>724.903.102</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>205.667.820.877</b>	<b>205.667.820.877</b>	<b>121.336.133.531</b>	<b>121.336.133.531</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí phải trả nhà phân phối	89.191.342.367	57.031.385.990
Phải trả các nhà thầu	1.140.910.000	1.140.910.000
Chi phí vận chuyển	3.003.193.727	1.933.485.332
Lãi vay phải trả	2.803.195.228	1.775.379.253
Chi phí khác	476.599.998	305.450.000
	<b>96.615.241.320</b>	<b>62.186.610.575</b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Nhận ký quỹ ký, cược ngắn hạn	8.003.183.500	8.755.183.500
Kinh phí công đoàn	839.235.021	1.199.728.383
Bảo hiểm	489.793.398	315.632.521
Các khoản phải trả khác	2.243.126.774	2.526.347.480
	<b>11.575.338.693</b>	<b>12.796.891.884</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIÊN PHONG**02 An Đà, phường Lạch Tray, Ngô Quyền  
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015  
đến ngày 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***MÃU SỐ B 09a-DN****19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2014		Trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	837.790.841.253	837.790.841.253	856.035.015.984	979.376.189.541	714.449.667.696	714.449.667.696
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 20)	2.440.000.000	2.440.000.000	10.325.660.000	-	12.765.660.000	12.765.660.000
	<b>840.230.841.253</b>	<b>840.230.841.253</b>	<b>866.360.675.984</b>	<b>979.376.189.541</b>	<b>727.215.327.696</b>	<b>727.215.327.696</b>

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được dùng để bổ sung vốn lưu động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay sử dụng đồng Việt Nam với lãi suất vay là từ 4,5%/năm đến 5,5%/năm.

Phân loại các khoản vay theo hình thức bảo đảm vay như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản được đảm bảo bằng nguyên giá của tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	313.537.475.446	501.822.825.234
Các khoản được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị ghi sổ của hàng tồn kho	211.813.628.947	161.284.319.380
Các khoản được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp các khoản phải thu	38.664.497.123	-
Các khoản vay không có tài sản đảm bảo	163.199.726.180	177.123.696.639
	<b>727.215.327.696</b>	<b>840.230.841.253</b>

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh số 20) được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 1.938.417 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.908.850 triệu VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHÒNG**02 An Đà, phường Lạch Tray, Ngô Quyền  
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015  
đến ngày 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***MẪU SỐ B 09a-DN****20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2014		Trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Hải Phòng	23.336.677.080	23.336.677.080	57.729.783.200	10.325.660.000	70.740.800.280	70.740.800.280
	<b>23.336.677.080</b>	<b>23.336.677.080</b>	<b>57.729.783.200</b>	<b>10.325.660.000</b>	<b>70.740.800.280</b>	<b>70.740.800.280</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vay dài hạn thể hiện các khế ước nhận nợ vay dài hạn với tổng số tiền 83.506.460.280 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 24 tháng 9 năm 2015 đến ngày 24 tháng 12 năm 2019. Khoản vay chịu lãi suất 7,9% tại thời điểm giải ngân, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần và được trả vào ngày 01 hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản cố định để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 19).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	12.765.660.000	2.440.000.000
Trong năm thứ hai	18.633.280.000	5.760.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	52.107.520.280	17.576.677.080
	<b>83.506.460.280</b>	<b>25.776.677.080</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn - xem Thuyết minh số 19)	12.765.660.000	2.440.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	<b>70.740.800.280</b>	<b>23.336.677.080</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG**

02 An Đà, phường Lạc Tray, Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015  
đến ngày 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***MẪU SỐ B 09a-DN****21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	VND	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại 01/01/2014</b>	<b>433.379.960.000</b>	<b>483.745.809.343</b>	<b>43.337.996.000</b>	<b>248.898.818.678</b>	<b>1.209.362.584.021</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	306.355.176.472	306.355.176.472
Tăng vốn	130.012.940.000	(130.012.940.000)	-	-	-
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	113.418.294.596	13.001.294.000	(126.419.588.596)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(17.527.266.342)	(17.527.266.342)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, và Ban kiểm soát	-	-	-	(2.650.000.000)	(2.650.000.000)
Trả cổ tức	-	-	-	(65.006.994.000)	(65.006.994.000)
Khác	-	-	-	(2.514.530.143)	(2.514.530.143)
<b>Số dư tại 01/01/2015</b>	<b>563.392.900.000</b>	<b>467.151.163.939</b>	<b>56.339.290.000</b>	<b>341.135.616.069</b>	<b>1.428.018.970.008</b>
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	56.339.290.000	(56.339.290.000)	-	-
<b>Số dư tại 01/01/2015 (Trình bày lại)</b>	<b>563.392.900.000</b>	<b>523.490.453.939</b>	-	<b>341.135.616.069</b>	<b>1.428.018.970.008</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	170.841.401.776	170.841.401.776
Tăng vốn (i)	56.338.050.000	(56.338.050.000)	-	-	-
Trích quỹ từ đầu tư phát triển (ii)	-	196.901.379.119	-	(196.901.379.119)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	(23.444.862.353)	(23.444.862.353)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát (ii)	-	-	-	(1.750.000.000)	(1.750.000.000)
Trả cổ tức (iii)	-	-	-	(84.508.935.000)	(84.508.935.000)
<b>Số dư tại 30/6/2015</b>	<b>619.730.950.000</b>	<b>664.053.783.058</b>	-	<b>205.371.841.373</b>	<b>1.489.156.574.431</b>

(i) Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ bằng phương thức phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu từ quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 56.338.050.000 VND, tương ứng với số cổ phiếu phát hành thêm là 5.633.805 cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 48/NQ-ĐHĐCĐTN/NTP ngày 08 tháng 4 năm 2015.

(ii) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 48/NQ-ĐHĐCĐTN/NTP ngày 08 tháng 4 năm 2015 và tạm trích các quỹ năm 2015, cụ thể như sau: trích quỹ đầu tư phát triển là 196.901.379.119 VND, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 23.444.862.353 VND; và trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát là 1.750.000.000 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(iii) Công ty trả cổ tức theo theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 48/NQ-ĐHĐCĐTN/NTP ngày 8 tháng 4 năm 2015 từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với tổng số tiền là 84.508.935.000 VND (15% vốn điều lệ).

<b>Cổ phiếu</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
<b>- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>		
+ Cổ phiếu phổ thông	61.973.095	56.339.290
<b>- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
+ Cổ phiếu phổ thông	61.973.095	56.339.290

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001195 ngày 30 tháng 12 năm 2004 và sửa đổi lần thứ 10 ngày 25 tháng 6 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty là 619.730.950.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	<b>Theo giấy chứng nhận ĐKKD</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
<b>Cổ đông</b>	<b>(%)</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC)	37,10	229.943.539.913	209.040.000.000
Các cổ đông khác	62,90	389.787.410.087	354.352.900.000
	<b>100,00</b>	<b>619.730.950.000</b>	<b>563.392.900.000</b>

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	86.680	5.945

**23. DOANH THU BÁN HÀNG**

	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán sản phẩm	1.501.581.357.749	1.265.748.977.334
Doanh thu khác	2.426.318.924	136.467.940.219
	<b>1.504.007.676.673</b>	<b>1.402.216.917.553</b>
Hàng bán bị trả lại	(2.408.123.214)	(2.714.926.434)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.501.599.553.459</b>	<b>1.399.501.991.119</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn bán sản phẩm	1.050.428.844.372	890.721.805.229
Giá vốn khác	2.148.670.122	137.698.082.525
	<b>1.052.577.514.494</b>	<b>1.028.419.887.754</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	904.704.179.404	950.008.942.792
Chi phí nhân công	106.889.241.258	82.536.087.168
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.900.037.767	36.618.361.906
Chi phí cho nhà phân phối	177.673.520.798	116.586.267.761
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.027.077.425	70.584.697.104
Chi phí khác bằng tiền	19.919.249.472	14.629.341.003
	<b>1.362.113.306.124</b>	<b>1.270.963.697.734</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	499.263.360	964.689.463
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	25.761.342	75.827.153
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	97.278.616	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	82.298.473.505	50.553.490.013
	<b>82.920.776.823</b>	<b>51.594.006.629</b>

(\*) Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm bao gồm lợi nhuận từ Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung với số tiền là 81.798.698.505 VND.

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	21.748.341.149	14.916.806.766
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	412.536.807	276.488.282
	<b>22.160.877.956</b>	<b>15.193.295.048</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí vận chuyển	25.377.352.805	25.798.618.556
Chi phí chiết khấu, bồi khấu	173.064.467.621	116.586.267.761
Các khoản chi phí bán hàng khác	58.272.309.408	38.867.841.323
	<u>256.714.129.834</u>	<u>181.252.727.640</u>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân công	16.373.687.355	12.714.806.569
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.903.095.926	8.969.697.963
Chi phí khác bằng tiền	16.335.552.697	8.969.697.963
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.986.386.729	14.821.184.074
	<u>58.598.722.707</u>	<u>45.475.386.569</u>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	24.973.646.435	28.642.569.247
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<u>24.973.646.435</u>	<u>28.642.569.247</u>

**30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ các ngành xây dựng và công nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>Hệ số đòn bẩy tài chính</b>		
Các khoản vay	797.956.127.976	863.567.518.333
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	106.380.887.268	47.935.477.750
Nợ thuần	691.575.240.708	815.632.040.583
Vốn chủ sở hữu	<u>1.489.156.574.431</u>	<u>1.428.018.970.008</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,5</b>	<b>0,6</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	106.380.887.268	47.935.477.750
Phải thu khách hàng và phải thu khác	792.421.948.728	678.053.759.601
Đầu tư dài hạn	236.000.000	236.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>899.038.835.996</u></b>	<b><u>726.225.237.351</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	797.956.127.976	863.567.518.333
Phải trả người bán và phải trả khác	215.914.131.151	132.617.664.511
Chi phí phải trả	96.615.241.320	62.186.610.575
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.110.485.500.447</u></b>	<b><u>1.058.371.793.419</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động các giao dịch các công cụ tài chính.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ/năm như sau:

	<b>Công nợ</b>		<b>Tài sản</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
Đô la Mỹ	8.102.461.426	53.962.956.922	3.017.400.055	853.166.855
Euro	5.035.335.200	670.230.893	-	-

***Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ***

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của USD và EUR.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	<b>Từ ngày 01/01/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014</b>
	<b>đến ngày 30/6/2015</b>	<b>đến ngày 30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đô la Mỹ (USD)	508.506.137	790.406.364
Euro	503.533.520	-

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Độ nhạy của lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 sẽ thay đổi như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Độ nhạy của lãi suất (Tiếp theo)*

	<b>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</b>	<b>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND</b>
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015		
VND	+ 200	(707.408.003)
VND	- 200	707.408.003
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014		
VND	+ 200	-
VND	- 200	-

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu tiền hàng đã quá hạn với số tiền khoảng 17,2 tỷ đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với toàn bộ các khoản phải thu này.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
<b>30/6/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	106.380.887.268	-	106.380.887.268
Phải thu khách hàng và phải thu khác	792.421.948.728	-	792.421.948.728
Đầu tư dài hạn	-	236.000.000	236.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>898.802.835.996</b>	<b>236.000.000</b>	<b>899.038.835.996</b>
<b>30/6/2015</b>			
Các khoản vay	727.215.327.696	70.740.800.280	797.956.127.976
Phải trả người bán và phải trả khác	215.914.131.151	-	215.914.131.151
Chi phí phải trả	96.615.241.320	-	96.615.241.320
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.039.744.700.167</b>	<b>70.740.800.280</b>	<b>1.110.485.500.447</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(140.941.864.171)</b>	<b>(70.504.800.280)</b>	<b>(211.446.664.451)</b>
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
<b>31/12/2014 (Trình bày lại)</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.935.477.750	-	47.935.477.750
Phải thu khách hàng và phải thu khác	678.053.759.601	-	678.053.759.601
Đầu tư dài hạn	-	236.000.000	236.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>725.989.237.351</b>	<b>236.000.000</b>	<b>726.225.237.351</b>
<b>31/12/2014 (Trình bày lại)</b>			
Các khoản vay	840.230.841.253	23.336.677.080	863.567.518.333
Phải trả người bán và phải trả khác	132.617.664.511	-	132.617.664.511
Chi phí phải trả	62.186.610.575	-	62.186.610.575
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.035.035.116.339</b>	<b>23.336.677.080</b>	<b>1.058.371.793.419</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(309.045.878.988)</b>	<b>(23.100.677.080)</b>	<b>(332.146.556.068)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình và nằm trong khả năng kiểm soát của Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và hỗ trợ tài chính từ các khoản vay ngân hàng để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung  
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam  
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong  
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP  
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Minh Hải

Công ty con  
Công ty liên kết  
Công ty liên kết  
Công ty liên doanh  
Công ty liên quan khác

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch sau với các bên liên quan:*

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
<b>Bán hàng</b>		
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung	137.653.945.012	129.137.604.319
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	54.577.689.144	86.918.083.696
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP	1.488.926.005	686.855.820
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Minh Hải	343.808.920.837	273.967.218.917
<b>Mua hàng</b>		
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung	124.614.714.133	90.836.918.022
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	110.425.434.141	67.355.105.922
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	3.965.803.390	2.259.389.540
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>		
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung	81.798.698.505	50.053.715.013
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	499.775.000	499.775.000

*Số dư với các bên liên quan:*

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Minh Hải	238.986.338.458	190.103.926.955
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	69.655.852.675	18.516.786.812
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung	98.549.240.615	128.097.872.662
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP	594.601.809	51.720.019
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	7.039.658.965	
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	1.067.781.088	724.903.102

*Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:*

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	5.138.604.599	5.255.274.569



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**


*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**


Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với số liệu so sánh của kỳ này. Chi tiết số liệu đã được phân loại lại như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014		
		Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	565.478.382.525	17.614.038.529	583.092.421.054
Phải thu ngắn hạn khác	132	129.687.015.256	(16.385.969.193)	113.301.046.063
Tài sản ngắn hạn khác	155	1.228.069.336	(1.228.069.336)	-
Quỹ đầu tư phát triển	417	467.151.163.939	56.339.290.000	523.490.453.939
Quỹ dự phòng tài chính	418	56.339.290.000	(56.339.290.000)	-

  
**Lưu Thị Mai**  
Người lập biểu

  
**Trần Ngọc Bảo**  
Kế toán trưởng



  
**Nguyễn Quốc Trường**  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015